

Số: /KH-UBND

Tây Yên Tử, ngày tháng 10 năm 2023

KẾ HOẠCH

Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ có mức sống trung bình năm 2023 trên địa bàn thị trấn Tây Yên Tử

Thực hiện Nghị định số 07/2021/NĐ- CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định Quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025; Văn bản hợp nhất số 1315/VBHN-BLĐTBXH ngày 13/4/2023 của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 và mẫu biểu báo cáo; Kế hoạch số 31/KH-UBND ngày 15/8/2023 của UBND huyện Sơn Động về việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ có mức sống trung bình năm 2023 trên địa bàn huyện Sơn Động; UBND thị trấn Tây Yên Tử xây dựng Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ có mức sống trung bình năm 2023 trên địa bàn thị trấn như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Rà soát, đánh giá đúng thực trạng đời sống Nhân dân; kết quả thực hiện các chỉ tiêu về giảm nghèo; xác định chính xác số hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình có đến cuối năm 2023 làm cơ sở thực hiện các chính sách giảm nghèo và an sinh xã hội trên địa bàn thị trấn trong năm 2024.

2. Yêu cầu

a) Việc rà soát, xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình phải có sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Đảng ủy, chính quyền, sự tham gia của các ban, ngành, đoàn thể và của người dân;

b) Việc rà soát phải thực hiện từ tổ dân phố, trực tiếp đối với từng hộ gia đình, theo đúng quy trình, hướng dẫn quy định tại Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Văn bản hợp nhất số 1315/VBHN-BLĐTBXH ngày 13/4/2023 của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội; chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội; đúng tiến độ về thời gian; đảm bảo tính chính xác theo nguyên tắc công khai, minh bạch, công bằng, dân chủ;

c) Lực lượng rà soát viên là người đã được tập huấn về nghiệp vụ rà soát, nắm rõ, thông thạo tình hình dân cư tại địa bàn.

d) Kết quả rà soát phải phản ánh đúng thực tế tình hình phát triển kinh tế - xã hội và thực trạng đời sống của Nhân dân; tránh tình trạng chạy theo chỉ tiêu, thành tích làm sai lệch thực trạng nghèo.

e) Kết thúc cuộc rà soát, phải xác định được chính xác số hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình từng tổ dân phố và cập nhật bổ sung ngay thông tin về thành viên, đặc điểm của hộ nghèo, hộ cận nghèo vào phần mềm quản lý sau khi có quyết định công nhận.

II. TIÊU CHÍ VÀ CHUẨN NGHÈO ĐA CHIỀU; ĐỐI TƯỢNG, NỘI DUNG, PHẠM VI RÀ SOÁT

1. Tiêu chí và chuẩn nghèo đa chiều

Tiêu chí và chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo thực hiện theo quy định tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025, cụ thể như sau:

1.1. Các tiêu chí đo lường nghèo đa chiều

a) Tiêu chí thu nhập:

- Khu vực nông thôn: 1.500.000 đồng/người/tháng;
- Khu vực thành thị: 2.000.000 đồng/người/tháng.

b) Tiêu chí mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản

- Các dịch vụ xã hội cơ bản (06 dịch vụ), gồm: việc làm; y tế; giáo dục; nhà ở; nước sinh hoạt và vệ sinh; thông tin;

- Các chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản (12 chỉ số), gồm: (1) việc làm; (2) người phụ thuộc trong hộ gia đình; (3) dinh dưỡng; (4) bảo hiểm y tế; (5) trình độ giáo dục của người lớn; (6) tình trạng đi học của trẻ em; (7) chất lượng nhà ở; (8) diện tích nhà ở bình quân đầu người; (9) nguồn nước sinh hoạt; (10) nhà tiêu hợp vệ sinh; (11) sử dụng dịch vụ viễn thông; (12) phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin.

1.2. Chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình

a) Chuẩn hộ nghèo

- Khu vực thành thị: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 2.000.000 đồng trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản trở lên;

b) Chuẩn hộ cận nghèo

- Khu vực thành thị: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 2.000.000 đồng trở xuống và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản;

c) Chuẩn hộ có mức sống trung bình

- Khu vực thành thị: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng;

2. Đối tượng, nội dung, phạm vi rà soát

2.1. Đối tượng rà soát

a) Toàn bộ hộ gia đình hiện tại đang có tên trong danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo theo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo thực hiện do UBND thị trấn, đang quản lý;

b) Một số hộ gia đình không thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo nhưng có đơn đề nghị rà soát hoặc địa phương chủ động phát hiện thấy hộ gia đình gặp khó khăn, biến cố rủi ro trong năm có khả năng rơi vào diện hộ nghèo, hộ cận nghèo.

c) Các hộ có giấy đề nghị xác nhận hộ có mức sống trung bình theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

2.2. Nội dung rà soát

Căn cứ chuẩn nghèo và quy trình, thủ tục rà soát, đánh giá xác định những hộ nghèo, cận nghèo mới phát sinh, số hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo, hộ có mức sống trung bình năm 2023.

2.3. Phạm vi, thời điểm rà soát

2.3.1. Rà soát toàn bộ số hộ gia đình trong thị trấn

2.3.2. Thời gian rà soát: Thực hiện từ ngày 01 tháng 9 đến hết ngày 14 tháng 12 năm 2023.

III. PHƯƠNG PHÁP RÀ SOÁT, PHÂN LOẠI HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO, HỘ CÓ MỨC SỐNG TRUNG BÌNH

1. Phương pháp rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo:

1.1. Phương pháp rà soát theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 1 Văn bản hợp nhất số 1315/VBHN-BLĐTĐBXH thực hiện như sau:

a) Khảo sát thu thập thông tin của hộ gia đình, tính điểm, tổng hợp điểm theo Phụ lục III và Phụ lục IV ban hành kèm theo Văn bản hợp nhất số 1315/VBHN-BLĐTĐBXH để ước lượng thu nhập và xác định mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo, hộ cận nghèo như sau:

- Về mức thu nhập bình quân đầu người (gọi là điểm A):

+ Ở khu vực thành thị, 175 điểm tương đương với mức thu nhập bình quân đầu người 2.000.000 đồng/người/tháng;

- Về mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản (gọi là điểm B): 10 điểm tương đương với 01 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

b) Phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo

- Hộ nghèo: hộ có điểm $A \leq 140$ điểm và điểm $B \geq 30$ điểm ở khu vực nông thôn hoặc có điểm $A \leq 175$ điểm và điểm $B \geq 30$ điểm ở khu vực thành thị;

- Hộ cận nghèo: hộ có điểm $A \leq 140$ điểm và điểm $B < 30$ điểm ở khu vực nông thôn hoặc có điểm $A \leq 175$ điểm và điểm $B < 30$ điểm ở khu vực thành thị.

1.2. Việc rà soát đối với hộ gia đình có Giấy đề nghị rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và lập danh sách hộ gia đình cần rà soát quy định tại khoản 1 Điều 4 Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg thực hiện như sau:

a) Đối với hộ gia đình có Giấy đề nghị rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, Ban Chỉ đạo rà soát thị trấn chủ trì, phối hợp với tổ dân phố, rà soát viên lập danh sách và sử dụng Phiếu A theo Phụ lục II và Phụ lục IV ban hành kèm theo Văn bản hợp nhất số 1315/VBHN-BLĐTBXH để nhận dạng nhanh đặc điểm hộ gia đình. Trường hợp có dưới 04 tiêu chí từ cột 01 đến cột 09 thì đưa vào danh sách hộ gia đình cần rà soát.

b) Danh sách hộ gia đình cần rà soát được lập theo Phụ lục I ban hành kèm theo Văn bản hợp nhất số 1315/VBHN-BLĐTB&XH.

1.3. Việc thu thập thông tin hộ gia đình, tính điểm, tổng hợp và phân loại hộ gia đình quy định tại khoản 2 Điều 4 Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg thực hiện như sau:

Ban Chỉ đạo rà soát thị trấn chủ trì, phối hợp với tổ trưởng tổ dân phố, rà soát viên sử dụng Phiếu B theo Phụ lục III và Phụ lục IV ban hành kèm theo Văn bản hợp nhất số 1315/VBHN-BLĐTBXH để thu thập thông tin hộ gia đình, tính điểm, tổng hợp và phân loại hộ gia đình.

1.4. Mẫu biên bản kết quả họp dân để thống nhất kết quả rà soát quy định tại điểm c khoản 3 Điều 4 Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg lập theo Phụ lục V ban hành kèm theo Văn bản hợp nhất số 1315/VBHN-BLĐTB&XH.

1.5. Mẫu danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo và danh sách hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo (sau khi rà soát) quy định tại điểm c khoản 4 Điều 4 Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg lập theo Phụ lục VI ban hành kèm theo Văn bản hợp nhất số 1315/VBHN-BLĐTBXH.

2. Xác định thu nhập của hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình: Được thực hiện bằng phương pháp xác định thu nhập của hộ gia đình trong vòng 12 tháng trước thời điểm rà soát, không tính khoản trợ cấp hoặc trợ giúp xã hội từ ngân sách nhà nước vào thu nhập hộ gia đình (*Khoản 2, Điều 2 Quyết định 24/2021/QĐ-TTg*); cụ thể:

a) Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg thực hiện theo Phiếu khảo sát, xác định thu nhập của hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Văn bản hợp nhất số 1315/VBHN-BLĐTBXH.

b) Mẫu biểu báo cáo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 7 Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg thực hiện như sau:

- Chủ tịch UBND thị trấn báo cáo kết quả khảo sát, xác định thu nhập của hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình theo biểu tổng hợp.

IV. TỔ CHỨC RÀ SOÁT

1. Ban rà soát tổ dân phố thực hiện rà soát các hộ gia đình trên địa bàn theo đúng trình tự 6 bước quy trình rà soát quy định tại Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Khảo sát thu thập thông tin theo hướng dẫn quy định tại phần III của Kế hoạch này.

3. Kết quả rà soát được niêm yết công khai đảm bảo sự giám sát của nhân dân và Ban giám sát các cấp.

4. Ban rà soát thông báo cáo kết quả rà soát với Chủ tịch UBND thị trấn.

5. Chủ tịch UBND thị trấn tổng hợp, báo cáo xin ý kiến thẩm định của Chủ tịch UBND huyện bằng văn bản gửi Chủ tịch UBND huyện về kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo (qua phòng Lao động-Thương binh và Xã hội) về kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn.

Chủ tịch UBND huyện thông báo kết quả để Chủ tịch UBND xã ký Quyết định công nhận và cấp giấy xác nhận hộ nghèo, cận nghèo theo quy định.

Đối với kết quả khảo sát, xác định thu nhập của hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình Chủ tịch UBND thị trấn báo cáo Chủ tịch UBND huyện theo biểu tổng hợp đính kèm Kế hoạch.

V. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN VÀ TỔNG HỢP BÁO CÁO KẾT QUẢ

1. Tiến độ thực hiện

- Từ ngày 01/10/2023 đến ngày 20/10/2023: Các tổ dân phố tổ chức rà soát, thống kê tại các hộ gia đình .

- Từ ngày 20/10/2023 đến ngày 25/10/2023: Ban chỉ đạo thị trấn nghiệm thu, tổng hợp kết quả rà soát trên địa bàn, báo cáo sơ bộ kết quả rà soát về Ban chỉ đạo huyện.

- Từ ngày 25/10/2023 đến 29/10/2023: Ban chỉ đạo thị trấn báo cáo kết quả chính thức về Ban chỉ đạo huyện (Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội).

2. Tổng hợp báo cáo kết quả

Tổng hợp, báo cáo theo các mẫu biểu kèm theo Văn bản hợp nhất số 1315/VBHN-BLĐTĐBXH ngày 13/4/2023 của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 và mẫu biểu báo cáo.

3. Phúc tra kết quả điều tra, rà soát

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu thấy kết quả tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo của các tổ dân phố, chưa phản ánh chính xác, khách quan, trung thực tình hình kinh tế- xã hội của địa phương hoặc có ý kiến khiếu nại của người dân về kết quả rà soát, Ban chỉ đạo tổ chức phúc tra lại kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, thông báo công khai để Nhân dân biết, trước khi UBND thị trấn làm thủ tục công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

UBND thị trấn giao cho:

1. Công chức VHXXH

Tham mưu xây dựng kế hoạch cụ thể; huy động, tổ chức lực lượng tham gia cuộc điều tra, lựa chọn đội ngũ giám sát viên, điều tra viên có kinh nghiệm, sức khỏe để tham gia cuộc điều tra tại các tổ dân phố.

Thành lập Ban chỉ đạo thị trấn, Ban rà soát các tổ dân phố; tổ chức thông tin, tuyên truyền về cuộc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ nông lâm có mức sống trung bình trên địa bàn.

2. Các thành viên Ban chỉ đạo điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo thị trấn.

Có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chung về cuộc điều tra theo lĩnh vực được trưởng Ban phân công. Chủ động kiểm tra, đôn đốc và chịu trách nhiệm về tiến độ, kết quả điều tra các tổ dân phố mình phụ trách.

3. Công chức VHXXH phụ trách lĩnh vực thông tin thể thao và du lịch, Cán bộ Đài truyền thanh thị trấn.

Tích cực tuyên truyền về cuộc rà soát, phổ biến Nghị định số 07/2021/QĐ-TTg ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025. Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định Quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025; Văn bản hợp nhất số 1315/VBHN-BLĐTĐBXH ngày 13/4/2023 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 và mẫu biểu báo cáo. Kế hoạch rà soát hộ nghèo của UBND thị trấn đến toàn thể cán bộ đảng viên và Nhân dân, nhất là các hộ nghèo, cận nghèo biết để nâng cao ý thức, trách nhiệm, tạo sự đồng thuận trong tổ chức thực hiện cuộc rà soát.

4. Công chức Tài chính - Kế toán

Giám sát và quyết toán kinh phí chi công tác điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2023.

Kinh phí thực hiện cuộc điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2023 do ngân sách UBND thị trấn đảm nhiệm.

5. Đề nghị Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể nhân dân

Phối hợp với chính quyền tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia thực

hiện tốt cuộc điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo.

Tham gia giám sát quá trình điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn thị trấn.

6. Các Tổ dân phố

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền tới toàn thể Nhân dân về cuộc điều tra hộ nghèo, cận nghèo, hộ nông lâm có mức sống trung bình năm 2023 để Nhân dân được biết. Rà soát điều tra đúng thời gian quy định của kế hoạch đã đề ra.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện cuộc điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hộ có mức sống trung bình năm 2023. Các thôn căn cứ kế hoạch này để triển khai tổ chức thực hiện. Trong quá trình thực hiện có gì vướng mắc đề nghị phản ánh về Thường trực Ban chỉ đạo thị trấn, qua Công chức VHXXH (đ/c Bàn Thị Mỹ: SĐT 0386797329) để kịp thời đề xuất giải quyết./.

Nơi nhận:

- UBND huyện;
- Phòng Lao động-TBXH;
- TT Đảng ủy, HĐND TT;
- Chủ tịch, các PCT.UBND TT;
- MTTQ, các đoàn thể nhân dân TT;
- Các Tổ dân phố;
- Lưu: VT. VH (My);

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Bàn Văn Minh